

Số: 50 /BC-THDL1

Hùng Châu, ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở giáo dục: Trường tiểu học Hùng Châu 1
- Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục.
 - Địa chỉ trụ sở chính: Xóm Mặc Tảo, xã Hùng Châu, tỉnh nghệ An,
 - Số điện thoại:
 - Địa chỉ thư điện tử: thdienlam1.dc@nghean.edu.vn
 - Trang thông tin điện tử: tieuhocdienlam1.edu.vn
- Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có).
 - Loại hình trường: Công lập
 - Cơ quan quản lý trực tiếp: Phòng Văn hóa – Xã hội xã Hùng Châu
- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.
 - **Sứ mệnh**
Tạo dựng được môi trường học tập nề nếp, kỷ cương có chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, năng lực và tư duy sáng tạo của bản thân.
 - **Tầm nhìn**
Phấn đấu đến năm 2030, Trường Tiểu học Hùng Châu 1 là trường chuẩn Quốc gia mức độ 2 phát triển theo hướng tiên tiến hội nhập Quốc tế để mỗi học sinh có cơ hội phát triển tài năng, có khả năng thích ứng mạnh mẽ để trở thành những công dân tốt, có thể chất khỏe mạnh, tâm hồn trong sáng phù hợp với xu thế phát triển của xã hội; Là một trong những trường mà học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn cao.
 - **Giá trị cốt lõi**
 - Tính đoàn kết
 - Lòng nhân ái
 - Tinh thần trách nhiệm
 - Sự hợp tác

- Lòng tự trọng
 - Tính trung thực
 - Tính sáng tạo
 - Khát vọng vươn lên
- Mục tiêu chung**

Triển khai tốt Chương trình hành động của Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 của Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

Tiếp tục tổ chức tuyên truyền và đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, gắn với cuộc vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” và phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”.

Chỉ đạo đội ngũ giáo viên tập trung bồi dưỡng về nội dung chương trình; phương pháp dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018. Tích cực đổi mới phương pháp và kỹ thuật dạy học, hướng dẫn học sinh cách học, cách tìm ra kiến thức mới; đổi mới cách đánh giá kết quả học tập của học sinh; chú trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng học sinh năng khiếu; khuyến khích học sinh nghiên cứu khoa học, vận dụng lý thuyết vào thực tế; chú trọng công tác giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống và tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục cao và toàn diện, từng bước tiếp cận với mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Là địa chỉ tin cậy cho các bậc phụ huynh khi gửi con vào học tập. Phấn đấu đến năm 2030 nhà trường phấn đấu đạt KĐCLGD cấp độ 4; giữ vững và nâng tầm trường chuẩn quốc gia mức độ 2 phù hợp với sự phát triển của xã hội.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Tiểu học Hùng Châu đóng trên địa bàn xóm Yên Hậu xã Hùng Châu. Nhân dân Hùng Châu vốn có truyền thống hiếu học. Xã có hệ thống giáo dục từ mầm non đến trung học phổ thông gồm 14 trường học: 5 trường mầm non, 5 trường tiểu học, 4 trường trung học cơ sở và một trung tâm học tập cộng đồng. Các cơ sở giáo dục trên địa bàn nhiều năm liền đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, tiên tiến xuất sắc.

Trường tiểu học Diễn Lâm 1 xưa là trường Tiểu học phổ thông, thành lập vào tháng 10 năm 1947. Địa điểm trường tại Đình Xuân Yên. Lúc đó trường có tên là: “Trường Tiểu học Phổ thông Minh Đức”. Đến năm 1949, trường đổi tên là Trường Tiểu học phổ thông xã Minh Xuân. Năm 1954 trường đổi tên thành trường Tiểu học xã Diễn Lâm. Năm học 1963-1964, trường có tên là trường Phổ thông cấp 1 Diễn Lâm. Năm 1980 thực hiện cải cách giáo dục lần thứ nhất, trường sáp nhập cấp 1 và cấp 2 thành trường mang tên là trường Phổ thông cấp 1-2 Diễn Lâm. Năm học 1991-1992, thực hiện cải cách GD&ĐT

lần thứ 2, trường THCS được tách ra địa điểm khác và trường có tên là trường Tiểu học Diễn Lâm 1 cho đến nay.

Trường đặt nơi yên tĩnh, cao ráo, thoáng mát, vị trí trung tâm của địa bàn tuyển sinh, thuận lợi cho học sinh đi học. Cảnh quan xanh - sạch - đẹp - an toàn. Hiện tại, trường có 42 cán bộ, giáo viên, nhân viên, 32 lớp với 1220 học sinh. Kế thừa và phát huy truyền thống của các thế hệ đi trước, trong những năm qua, thầy và trò trường Tiểu học Hùng Châu 1 đã thi đua dạy tốt, học tốt và đạt được những thành tích đặc biệt xuất sắc: nhiều năm liền là Tập thể lao động xuất sắc, đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 năm 2005, đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 năm 2021, là đơn vị văn hóa cấp huyện (2004). Nhiều năm liền UBND huyện Diễn Châu tặng nhiều giấy khen.

Kế hoạch chiến lược nhà trường là quá trình kế thừa phát huy và phát triển kế hoạch chiến lược nhà trường giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn đến năm 2030, nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng trường và hoạt động của cán bộ quản lý cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường để phấn đấu vươn lên. Xây dựng và triển khai Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường đoạn 2021-2025 của Trường Tiểu học Hùng Châu 1 là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo để đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài nhằm phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của đất nước, hội nhập với các nước trong khu vực và thế giới.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để Hùng hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

- Người đại diện pháp luật: Trần Thị Trung

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- Địa chỉ nơi làm việc: trường tiểu học Hùng Châu 1 , xóm 3, xã Hùng Châu, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

-Số điện thoại: 0941 758 123

- Địa chỉ thư điện tử: trantrung021975@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục.

Đã thất lạc, không tìm thấy hồ sơ

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định số 3142/QĐ-UBND ngày 01/10/2024 của UBND huyện Diễn Châu Về việc kiện toàn thành viên Hội đồng trường Trường TH Hùng Châu 1 năm học 2024-2025, nhiệm kỳ 2020 – 2025

Danh sách Hội đồng trường:

(Kèm theo Quyết định số 3142/QĐ-UBND ngày 03/10/2024 của UBND huyện Diên Châu)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh, chức vụ trong đơn vị	Đơn vị công tác (theo trường)
1	Đặng Trọng Văn	20/02/1972	Phó Hiệu trưởng	TH Hùng Châu 1
2	Trần Thị Trung	20/02/1975	Hiệu trưởng	TH Hùng Châu 1
3	Nguyễn Hải Châu	20/11/1979	Giáo viên	TH Hùng Châu 1
4	Nguyễn Khắc Hữu	14/10/1975	Chủ tịch Công đoàn	TH Hùng Châu 1
5	Lê Đức Thắng	20/11/1981	Tổ trưởng CM	TH Hùng Châu 1
6	Chu Thị Trường	01/10/1974	Tổ trưởng CM	TH Hùng Châu 1
7	Hoàng Minh Thắng	23/01/1983	TPT Đội	TH Hùng Châu 1
8	Lê Quang Trung	17/03/1951	Ban đại diện CMHS	TH Hùng Châu 1
9	Nguyễn Văn Sơn	09/01/1981	Phó Chủ tịch UBND xã	UBND xã Hùng Châu

Danh sách Chủ tịch Hội đồng trường:

(Kèm theo Quyết định số 3197/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 của UBND huyện Diên Châu)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh, chức vụ trong đơn vị	Đơn vị công tác (theo trường)
1	Đặng Trọng Văn	20/02/1972	Phó Hiệu trưởng	TH Hùng Châu 1

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục Quyết định bổ nhiệm lại Hiệu trưởng:

Hiệu trưởng: Trần Thị Trung; Quyết định điều động, bổ nhiệm số: 2817/QĐ-UBND, ngày 30/08/2024 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện Diên Châu.

Phó Hiệu Trưởng: Đặng Trọng Văn; Quyết định bổ nhiệm lại số 2443/QĐ-UBND ngày 08/08/2023 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện Diên Châu.

Phó Hiệu Trưởng: Lê Văn Hà; Quyết định bổ nhiệm, luân chuyển số 2454/QĐ-UBND ngày 12/08/2022.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

- Quy chế tổ chức và hoạt động trường TH Hùng Châu 1

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định;

Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường:

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật./

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường
- + 01 Hội đồng trường gồm 9 thành viên.
- + 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.
- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 25 đảng viên.
- + Ban đại diện CMHS gồm 32 thành viên.
- + Các tổ chuyên môn: 2 tổ chuyên môn

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường.

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Số điện thoại	Địa chỉ thư điện tử
1	Trần Thị Trung	20/02/1975	HT	0941758123	trantrung021975@gmail.com
2	Đặng Trọng Văn	20/02/1972	PHT	0989821256	dangvan72@gmail.com
3	Lê Văn Hà	11/12/1969	PHT	0987532614	leha.d11@gmail.com

- Địa chỉ nơi làm việc: Trường TH Diễm Lâm 1, xóm Yên Hậu, xã Hùng Châu.

- Nhiệm vụ, trách nhiệm:

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỷ luật, hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; cử giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

Thực hiện các nhiệm vụ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan quản lý giáo dục; xây dựng kế hoạch phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên, nhân viên; động viên và tạo điều kiện cho giáo viên và

nhân viên tham gia các hoạt động đổi mới giáo dục; thực hiện đánh giá, xếp loại giáo viên, nhân viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tham gia quá trình tuyển dụng, thuyên chuyển, sắp xếp giáo viên; tổ chức các bước giới thiệu nhân sự đề nghị cấp có thẩm quyền bổ nhiệm phó hiệu trưởng.

Quản lý, tiếp nhận học sinh, cho phép học sinh chuyển trường; quyết định kỉ luật, khen thưởng học sinh; phê duyệt kết quả đánh giá học sinh, danh sách học sinh lên lớp, lưu ban; tổ chức kiểm tra công nhận việc hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh trong nhà trường và các đối tượng khác trên địa bàn trường phụ trách.

Tổ chức triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; sách giáo khoa, nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Thực hiện quản lý, sử dụng và lựa chọn các xuất bản phẩm tham khảo sử dụng trong nhà trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý. Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy theo quy định về định mức tiết dạy đối với hiệu trưởng.

Quản lý hành chính; quản lý và tự chủ trong việc sử dụng các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường theo quy định.

Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện xã hội hoá giáo dục, phối hợp tổ chức, huy động các lực lượng xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng xã hội.

Xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường theo quy định của Pháp luật.

Được hưởng chế độ phụ cấp đối với nhà giáo và các chính sách ưu đãi theo quy định.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

- Chiến lược phát triển nhà trường:

- Quy chế thực hiện dân chủ cơ sở:

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng người làm được phê duyệt	Số lượng người hiện có
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý (02 vị trí)		
1	Hiệu trưởng	1	1
2	Phó hiệu trưởng	2	2
II	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành		
	Trong trường tiểu học (06 vị trí)		
1	Giáo viên tiểu học hạng I		
2	Giáo viên tiểu học hạng II	20	20
3	Giáo viên tiểu học hạng III	23	22
4	Giáo vụ		
5	Tư vấn tâm lý học sinh		
6	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật		
III	Danh sách vị trí việc làm chuyên môn dùng chung		
1	Thư viện viên hạng II		
2	Thư viện viên hạng III	1	1
3	Thư viện viên hạng IV		
4	Chuyên viên về quản trị công sở		
5	Kế toán viên	1	1
6	Kế toán viên trung cấp		
7	Chuyên viên thủ quỹ		
8	Cán sự thủ quỹ		
9	Nhân viên thủ quỹ		
10	Văn thư viên		
11	Văn thư viên trung cấp		
12	Y tế học đường		
IV	Danh mục vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ		
1	Nhân viên bảo vệ		
2	Nhân viên nấu ăn		
3	Nhân viên phục vụ		
	Tổng		42

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;

Tổng số CBGV: 42 Đạt chuẩn: 42/42, tỉ lệ 100%

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

Tổng số CB,GV, NV: 42 ; Hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 42/42 =100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Tổng diện tích khu đất là: 11 773 m².

- Diện tích bình quân tối thiểu cho 1 HS: 9,7 m², phù hợp theo quy định tại Thông tư số 23/2024/TT-BGD&ĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	37/32	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	37	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường lẻ		-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	11773	9,7
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	8690	7,1
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1440	1,2
2	Diện tích thư viện (m ²)	45	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	450	0,4
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	45	1,2
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	45	1,2
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	45	1,2
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	45	1,2
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)		1,2

9	Diện tích phòng truyền thông và hoạt động Đội (m ²)	45	1,2
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	32	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	6	6/6
1.2	Khối lớp 2	6	6/6
1.3	Khối lớp 3	6	6/6
1.4	Khối lớp 4	7	7/7
1.5	Khối lớp 5	7	7/7
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	0	
2.4	Khối lớp 4	0	
2.5	Khối lớp 5	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	28	
IX	Tổng số thiết bị		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	37	32/32
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	
5	Loa, âm li, ...	1	
6	Thiết bị khác		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

Nhà vệ sinh	Dùng cho GV Nam	Dùng cho GV nữ	Dùng cho HS nam	Dùng cho HS nữ
--------------------	-----------------	----------------	-----------------	----------------

	Số lượng	Diện tích (m ²)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Số lượng	Diện tích (m ²)
Đạt chuẩn vệ sinh (*)	2	20	2	20	2	60	2	60
Chưa đạt chuẩn vệ sinh	0	0	0	0	0	0	0	0

(*Theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Danh mục sách giáo khoa lớp 1, sử dụng từ năm học 2020-2021

TT	Tên sách	Tên tác giả	Thuộc bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Nguyễn Minh Thuyết-Hoàng Hoa Bình-Nguyễn Thị Ly Nga-Lê Hữu Tinh	Cánh diều	Đại học SP TPHCM
2	Toán	Hà Huy Khoái-Lê Anh Vinh- Nguyễn Áng-Vũ Văn Dương- Nguyễn Minh Hải-Bùi Bá Mạnh	Kết nối tri thức với cuộc	NXB GD Việt Nam
3	Đạo đức	Nguyễn Thị Toan-Trần Thành Nam-Lê Thị Thuyết Mai-Lục Thị Nga	Kết nối tri thức với cuộc	NXB GD Việt Nam

4	TNXH	Vũ Văn Hùng-Nguyễn Thị Thần-Đào Thị Hồng-Phương Hà Lan-Hoàng úy Tĩnh	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
5	Âm nhạc	Đỗ Thị Minh Chính-Mai Linh Chi-Nguyễn Thị Phương Mai- Đặng Khánh Nhật-Nguyễn Thị Thanh Vân	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
6	Mỹ thuật	Đình Gia Lê-Trần Thị Biển- Phạm Duy Anh	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
7	GDTC	Nguyễn Duy Quyết-Lê Anh Thơ-Đỗ Mạnh Hùng-Vũ Văn Thịnh-Vũ Thị Hồng Thu-Vũ Thị Thư-Phạm Mai Vương	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm	Bùi Sỹ Tụng-Nguyễn Thanh Bình-Vũ Thị Lan Anh-Lê Thị Luận-Trần Thị Thu	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
9	Tiếng Anh	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Thụy Uyên Sa.	i-Learn Smart Start	NXB -ĐH SP TP Hồ Chí Minh

- Danh mục Sách giáo khoa lớp 2, sử dụng từ năm học 2021-2022

TT	Tên sách	Tên tác giả	Thuộc bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Nguyễn Minh Thuyết là Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên và các Tác giả: Nguyễn Thị Bích Hà, Trần Mạnh Hưởng, Đặng Kim Nga, Nguyễn Thị Tố Ninh.	Cánhdiều	Đại học SP TPHCM

2	Toán	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
3	Tự nhiên và xã hội	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên) Nguyễn Thị Thán (Chủ biên) Đào Thị Hồng - Phương Hà Lan Phạm Việt Quỳnh - Hoàng Quý Tinh	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
4	Đạo đức	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai.	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
5	Hoạt động trải nghiệm	Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh, Nguyễn Thanh Bình (đồng Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Hùng, Lê Thị Luận, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Thu.	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
6	Âm nhạc	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật, Trần Thị Kim Thăng, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
7	Giáo dục thể chất	Nguyễn Duy Quyết, Hồ Đắc Sơn (đồng Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Duy Tuyền, Phạm Mai Vương.	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
8	Mĩ thuật	Đoàn Thị Mỹ Hương, Đinh Gia Lê (đồng Tổng Chủ biên) Trần Thị Biền (Chủ biên) Phạm Duy Anh - Bạch Ngọc Diệp Trần Thị Thu Trang - Bùi Quang Tuấn	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam

9	Tiếng Anh	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Thụy Uyên Sa.	i-Learn Smart Start	NXB -ĐH SP TP Hồ Chí Minh
---	-----------	---	---------------------	---------------------------

- Danh mục sách giáo khoa lớp 3, sử dụng từ năm học 2022-2023

TT	Môn	Tác giả	Bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Tập 1: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Hoàng Hòa Bình, Vũ Trọng Đông, Nguyễn Khánh Hà, Trần Mạnh Hưởng. Tập 2: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Chu Thị Thủy An, Đỗ Thu Hà, Trần Mạnh Hưởng, Đặng Kim Nga, Lê Hữu Tĩnh.	Cánh diều	NXB-ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh
2	Toán	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên),	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
3	Tự nhiên và xã hội	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên),	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
4	Đạo đức	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên) - Trần Thành Nam (Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
5	Hoạt động trải nghiệm	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
6	Âm nhạc	Hoàng Long - Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng chủ biên),	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
7	Giáo dục thể chất	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
8	Mĩ thuật	Nguyễn Xuân Nghị (tổng chủ biên); Trần Thị Biên; Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng chủ biên);	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam

		Phạm Duy Anh; Bạch Ngọc Diệp; Trần Thị Thu Trang		
9	Công nghệ	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
10	Tiếng Anh	GS.TS. Hoàng Văn Vân là Tổng chủ biên	Bộ Global Success	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Tin học	Nguyễn Chi Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đăng Cao Tùng, Đặng Bích Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam

- Danh mục sách giáo khoa lớp 4, sử dụng từ năm học 2023-2024

TT	Môn	Tác giả	Bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Tập 1: Tổng chủ biên và Chủ biên: Nguyễn Minh Thuyết Tác giả: Chu Thị Thúy An, Phan Thị Hồ Diệp, Nguyễn Thị Bích Hà, Nguyễn Khánh Hà, Trần Mạnh Hương, Trần Bích Thủy Tập 2: Tổng chủ biên và Chủ biên: Nguyễn Minh Thuyết Tác giả: Hoàng Hòa Bình, Vũ Trọng Đồng, Đặng Kim Nga, Nguyễn Thị Tố Ninh, Đặng Thị Yên,	Cánh Diều	NXB-ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh
2	Toán	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
3	LS&ĐL	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam

		Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương.		
4	Đạo đức	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
5	Khoa học	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung.	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
6	HĐTN	Lưu Thu Thủy (tổng chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Hùng, Trần Thị Tố Oanh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
7	GDTC	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
8	Âm nhạc	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
9	Mĩ thuật	Đình Gia Lê (tổng chủ biên), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang.	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
10	Công nghệ	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đồng Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo.	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
11	Tin học	Nguyễn Chí Công (TCB); Hoàng Thị Mai (chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam

12	Tiếng Anh	GS.TS. Hoàng Văn Vân là Tổng chủ biên	Bộ Global Success	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
----	-----------	---------------------------------------	-------------------	--------------------------------

- Danh mục sách giáo khoa lớp 5, sử dụng từ năm học 2024-2025

TT	Môn	Tên sách	Tác giả	NXB
1	Tiếng Việt 5	Cánh Diều	(Tập 1: Nguyễn Minh Thuyết - Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên, Chu Thị Thủy An, Vũ Trọng Đông, Nguyễn Khánh Hà, Đỗ Thu Hà, Đặng Kim Nga .) (Tập 2: Nguyễn Minh Thuyết - Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên, Chu Thị Thủy An, Nguyễn Hoàng Mỹ Anh, Hoàng Hòa Bình, Nguyễn Khánh Hà, Trần Đức Hùng)	Nhà xuất bản đại học sư phạm
2	Toán 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	(Hà Huy Khoái - Tổng Chủ biên, Lê Anh Vinh - Chủ biên, Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh)	Nhà xuất bản GD Việt Nam
3	Đạo đức 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	(Nguyễn Thị Toan - Tổng Chủ biên, Trần Thành Nam - Chủ biên, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung)	Nhà xuất bản GD Việt Nam
4	Lịch sử và Địa lý 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	(Vũ Minh Giang - Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ - Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử, Nguyễn Thị Thu Thủy - Chủ biên phần Lịch sử, Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng - Tổng Chủ biên phần Địa lí, Trần Thị Hà Giang - Chủ	Nhà xuất bản GD Việt Nam

			biên phần Địa lí, Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương)	
5	Âm nhạc 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ Thị Minh Chính - Tổng Chủ biên, Nguyễn Thị Thanh Bình - Chủ biên, Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga)	Nhà xuất bản GD Việt Nam
6	Mỹ thuật 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đình Gia Lê(Tổng chủ biên) Trần Thị Biễn- Đoàn Thị Mỹ Hương(đồng chủ biên) Phạm Duy Anh- Trần Thị Thu Trang	Nhà xuất bản GD Việt Nam
7	GDTC 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	(Nguyễn Duy Quyết, Nguyễn Hồng Dương - Tổng Chủ biên, Đỗ Mạnh Hưng - Chủ biên, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương)	Nhà xuất bản GD Việt Nam
8	HDTN5	Kết nối tri thức với cuộc sống	(Luu Thu Thủy -Tổng Chủ biên, Nguyễn Thụy Anh - Chủ biên, Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Hùng, Trần Thị Tố Oanh)	Nhà xuất bản GD Việt Nam
9	Tiếng Anh 5	Bộ Global Success	GS.TS. Hoàng Văn Vân là Tổng chủ biên	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Tin học	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh- Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn- Hà Đặng Cao Tùng	Nhà xuất bản GD Việt Nam
11	Công nghệ	Kết nối tri thức với cuộc sống	(Lê Huy Hoàng - Tổng Chủ biên; Đặng Văn Nghĩa - Chủ biên).	Nhà xuất bản GD Việt Nam
12	Khoa học	Kết nối tri thức với cuộc sống	(Vũ Văn Hùng - Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên, Phan Thanh Hà - đồng Chủ biên, Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung)	Nhà xuất bản GD Việt Nam

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

1) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá: Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

1.1.-Đánh giá theo từng tiêu chí từ Mức 1 đến Mức 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<i>Tiêu chuẩn 1</i>				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
<i>Tiêu chuẩn 2</i>				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
<i>Tiêu chuẩn 3</i>				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	X

Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	X
<i>Tiêu chuẩn 4</i>				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
<i>Tiêu chuẩn 5</i>				
Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	X
Tiêu chí 5.4		X	X	X
Tiêu chí 5.5		X	X	X

Kết quả: :

- Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí đạt mức 1: 27/27 (100%)
- Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí đạt mức 2: 27/27 (100%)
- Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí đạt mức 3: 19/19 (100%)

1.2.Đánh giá theo tiêu chí Mức 4

Tiêu chí (Khoản, Điều)	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Khoản 1, Điều 22	x		
Khoản 2, Điều 22	x		
Khoản 3, Điều 22		x	
Khoản 4, Điều 22		x	
Khoản 5, Điều 22		x	

Kết quả: Số tiêu chí đạt mức 4: 2/5 (40%)

2) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục - Nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào

tạo đã có đã ban hành Quyết định số 4234/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc công nhận trường tiểu học Hùng Châu 1 đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

Hàng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học: 2025-2026

a) Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

Thực hiện theo kế hoạch số 32/KH-THDL1 ngày 08 tháng 6 năm 2025 của trường tiểu học Diễn Lâm 1 về việc tuyển sinh lớp 1 năm học 2025-2026.

- Số lớp tuyển sinh: 6 lớp với tổng số học sinh 225 em

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

- Thời gian tuyển sinh: Từ ngày 24,25/6/2025

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục;

Triển khai thực hiện kế hoạch GD số 58/KH-THDL1 ngày 25 tháng 8 năm 2025 của trường tiểu học Diễn Lâm 1

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh;

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục;

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước: 2024- 2025

a) Thông tin học sinh:

Khối lớp	Số học sinh	Số lớp	Trong đó					
			Số HS học 2 buổi/ngày	Số HS chuyển đi	Số HS chuyển đến	Học sinh nữ	HS dân tộc thiểu số	HS khuyết tật
1	237	6	237			131	1	3
2	214	6	214	5	3	100		
3	260	7	260	2	5	126		3
4	274	7	274	3	3	156	2	2
5	218	6	218	2	5	113	2	2
	1203	32	1203	12	16	626	5	10

b, Kết quả giáo dục:

TT	Số liệu	Khối lớp 1	Khối lớp 2	Khối lớp 3	Khối lớp 4	Khối lớp 5	Điểm TBC khảo sát chất lượng khối 5 (Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh)
1	Tổng số HS/số lớp	237/6	214/6	260/7	274/7	218/6	
2	Số HS đạt các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế						
3	Số HS đạt các chứng chỉ Toán quốc tế				0	0	
4	Số HS đạt các chứng chỉ Tin quốc tế				0	0	
5	Số HS đạt giải các cuộc thi quốc tế				0	0	
6	Số HS đỗ vào các trường chuyên				0	0	
7	CLB Olympic Văn-Toán				0	0	
	+ Cấp trường				0	6	
	+ Cấp huyện				0	6	
8	IOE tiếng Anh						
	+ Cấp huyện			7	8	10	
	+ Cấp tỉnh			3	5	5	
	+ Cấp Quốc gia				1	2	
9	Trạng nguyên Tiếng Việt						
	+ Cấp Huyện	4	3	6	2	8	
	+ Cấp tỉnh		1	3		1	
	+ Cấp Quốc gia						
10	Toán VIOEDU						
	+ Cấp huyện	2		2	1	3	
	+ Cấp tỉnh	1	1	2		3	
	+ Cấp Quốc gia						
1	Điểm TBC môn Toán	8,7	8,4	8,2	9,0	8,4	8,4
2	Điểm TBC môn Tiếng Việt	8,2	8,5	8,1	7,8	8,6	8,6
3	Điểm TBC môn Khoa học				8,1	9,0	
4	Điểm TBC môn Lịch sử và Địa lý				7,8	8,5	
5	Điểm TBC môn Tiếng Anh			8,0	7,4	8,1	8,1
6	Điểm TBC môn Tin học			8,1	7,9	8,6	
7	Công nghệ			8,4	8,0	8,7	

*** Môn học và HDGD đánh giá bằng nhận xét**

	TS HS được đánh giá	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
		TS	Tỷ lệ	TS	Tỷ lệ	TS	Tỷ lệ	TS	Tỷ lệ	TS	Tỷ lệ
1. Tiếng việt	1197										
Hoàn thành tốt	855	173	73.6	158	73.8	181	69.9	184	67.4	159	73.6

Hoàn thành	335	55	23.4	56	26.2	78	30.1	89	32.6	57	26.4
Chưa hoàn thành	7	7	3.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
2. Toán	1197		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0
Hoàn thành tốt	856	177	75.3	154	72.0	185	71.4	186	68.1	154	71.3
Hoàn thành	333	52	22.1	60	28.0	74	28.6	85	31.1	62	28.7
Chưa hoàn thành	8	6	2.6	0	0.0	0	0.0	2	0.7	0	0.0
3. Đạo đức	1197		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0
Hoàn thành tốt	894	179	76.2	164	76.6	193	74.5	192	70.3	166	76.9
Hoàn thành	301	54	23.0	50	23.4	66	25.5	81	29.7	50	23.1
Chưa hoàn thành	2	2	0.9	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
4. TN-XH	708		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0
Hoàn thành tốt	525	174	74.0	161	75.2	190	73.4		0.0		0.0
Hoàn thành	181	59	25.1	53	24.8	69	26.6		0.0		0.0
Chưa hoàn thành	2	2	0.9	0	0.0	0	0.0		0.0		0.0
5. Âm nhạc	1197		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0
Hoàn thành tốt	872	175	74.5	159	74.3	189	73.0	193	70.7	156	72.2
Hoàn thành	323	58	24.7	55	25.7	70	27.0	80	29.3	60	27.8
Chưa hoàn thành	2	2	0.9	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
6. Mĩ thuật	1197		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0
Hoàn thành tốt	874	175	74.5	157	73.4	193	74.5	189	69.2	160	74.1
Hoàn thành	322	59	25.1	57	26.6	66	25.5	84	30.8	56	25.9
Chưa hoàn thành	1	1	0.4	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
7. HĐ trải nghiệm	1197		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0
Hoàn thành tốt	884	175	74.5	167	78.0	187	72.2	193	70.7	162	75.0
Hoàn thành	311	58	24.7	47	22.0	72	27.8	80	29.3	54	25.0
Chưa hoàn thành	2	2	0.9	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
8. Giáo dục thể chất (Thể dục)	1197		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0
Hoàn thành tốt	911	178	75.7	177	82.7	192	74.1	199	72.9	165	76.4
Hoàn thành	284	55	23.4	37	17.3	67	25.9	74	27.1	51	23.6
Chưa hoàn thành	2	2	0.9	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
9. Công nghệ	748						0.0		0.0		0.0
Hoàn thành tốt	557					194	74.9	197	72.2	166	76.9
Hoàn thành	191					65	25.1	76	27.8	50	23.1
Chưa hoàn thành	0					0	0.0	0	0.0	0	0.0
10. Tin học	748						0.0		0.0		0.0
Hoàn thành tốt	500					179	69.1	174	63.7	147	68.1
Hoàn thành	248					80	30.9	99	36.3	69	31.9
Chưa hoàn thành	0					0	0.0	0	0.0	0	0.0
11. Ngoại ngữ	748						0.0		0.0		0.0
Hoàn thành tốt	498					188	72.6	170	62.3	140	64.8
Hoàn thành	248					71	27.4	101	37.0	76	35.2
Chưa hoàn thành	2					0	0.0	2	0.7	0	0.0
12. Khoa học	489								0.0		0.0

Hoàn thành tốt	378							207	75.8	171	79.2
Hoàn thành	110							65	23.8	45	20.8
Chưa hoàn thành	1							1	0.4	0	0.0
13, Sĩ - Địa	489								0.0		0.0
Hoàn thành tốt	340							188	68.9	152	70.4
Hoàn thành	148							84	30.8	64	29.6
Chưa HT	1							1	0.4	0	0.0

Xếp loại giáo dục cuối năm:

1	Đánh giá Kết quả cuối năm	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1.1	Hoàn thành xuất sắc	106	45.1	93	43.5	79	30.5	59	21.6	71	32.6
1.2	Hoàn thành tốt	59	25.1	56	26.2	77	29.7	77	28.2	58	26.6
1.3	Hoàn thành	63	26.8	65	30.4	103	39.8	135	49.5	87	39.9
1.4	Chưa hoàn thành	7	3.0	0	0.0	0	0.0	2	0.7	0	0.0
2	Khen thưởng cuối năm										
2.1	Học sinh <i>Xuất sắc</i>	106	45.1	93	43.5	79	30.5	59	21.6	71	32.6
2.2	Học sinh <i>Tiêu biểu</i> hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện	59	25.1	56	26.2	77	29.7	77	28.2	58	26.6
2.3	Khen thưởng đột xuất		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0
2.4	Đề nghị cấp trên khen thưởng		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0
2.5	Gửi thư khen	30	12.8	32	15.0	35	13.5	34	12.5	32	14.7
3	Hoàn thành chương trình lớp học										
3.1	Hoàn thành	230	97.0	214	100.0	260	100.0	272	99.3	218	100.0
3.2	Chưa hoàn thành	7	3.0	0.00	0.0	0.00	0.0	2.00	0.7	0.00	0.0

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài).

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác); (Tính theo 1000 đ đến 30/12)

TT	NỘI DUNG	THU	CHI	DƯ ĐẾN 30/12
I	THU TỪ NGÂN SÁCH	11.157.081.000		
1	Ngân sách NN cấp chi lương các khoản đóng góp theo lương.	10.120.433.000		
2	Tiền thưởng cho người lao động năm 2025 theo NĐ 73	465.900.000		
3	chế độ chi phí học tập kỳ 1 học năm 2025-2026	35.748.000		
5	Ngân sách NN cấp chi hoạt động thường xuyên năm học 2024 - 2025	535.000.000		
II	Các khoản thu từ nguồn thu của nhà trường	583.921.693		
1	TTXD Cơ sở vật chất	272.640.000		
2	Thu từ tiền gửi xe đạp	3.120.000		
3	Thu tiền Chăm sóc sức khỏe ban đầu	65.626.693		
4	Thu thực hiện dạy Tiếng Anh tăng cường và Kỹ năng sống	90.640.000		
5	Thu từ nguồn poto	35.895.000		
6	SỔ LL Điện tử	116.000.000		
C	Cộng KP được sử dụng từ nguồn thu khác tại trường năm học 24-25	583.921.693		
D	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm học 24-25 ((Nguồn NS+ Nguồn khác)	11.741.002.693		
E	Kinh phí đã sử dụng trong năm(Ngân sách và nguồn khác của đơn vị)	11.008.978.431		
G	Kinh phí còn lại trong năm	732.024.262		
	Trong đó: Tiền Ngân sách	6.88.463.142		

Tiền thu hoạt động tại trường(TM và TG)	43.561.120		
---	------------	--	--

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

-Triển khai dạy học tiếng Anh tăng cường 2 tiết/ tuần cho học sinh lớp 1,2

Trên đây là Báo cáo kết quả thường niên năm học 2025 (Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) của trường Tiểu học Diễm Lâm 1.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trần Thị Trung